

SO SÁNH KẾT QUẢ THỰC HÀNH KĨ NĂNG ĐIỀU DƯỠNG CƠ BẢN THEO PHƯƠNG PHÁP TÍCH CỰC VÀ PHƯƠNG PHÁP TRUYỀN THỐNG

PGS.TS. LÊ ANH TUẤN - Học viện Quân y
CNDD. NGUYỄN HỮU ĐỨC, CNDD. NGÔ TRUNG HIẾU
CNDD. ĐẶNG XUÂN HÙNG, ThS. TRẦN ĐỨC THÀNH
ThS. ĐẶNG THỊ LAN ANH, TS. ĐỖ VĂN BÌNH
Bệnh viện Quân y 103

Phản biện khoa học: PGS.TS. NGUYỄN MINH HIẾU
Nguyên Trưởng phòng Khoa học-Quân huấn, Cục Quân y

TÓM TẮT: Mục tiêu: Đánh giá khả năng chủ động, tích cực và kết quả thực hành kĩ năng điều dưỡng cơ bản của sinh viên y tại phòng rèn luyện kĩ năng y khoa, Bộ môn Điều dưỡng, Bệnh viện Quân y 103, Học viện Quân y. **Đối tượng và phương pháp:** Nghiên cứu mô tả cắt ngang có so sánh trên 202 sinh viên y năm thứ hai thực tập môn học điều dưỡng cơ bản tại phòng rèn luyện kĩ năng y khoa năm 2016, chia làm 2 nhóm (nhóm học tập theo phương pháp tích cực và nhóm thực tập theo phương pháp truyền thống). **Kết quả:** Nhóm sinh viên học tập tích cực có sự chuẩn bị bài tốt hơn nhóm sinh viên học tập truyền thống với tỉ lệ lần lượt là 87,76% và 56,73% ($p < 0,05$). Tính chủ động trong việc tự học, tự rèn luyện kĩ năng của nhóm sinh viên học tập tích cực (81,63%) cao hơn nhóm sinh viên học tập truyền thống (69,23%). Sinh viên nhóm học tập tích cực thực hiện kĩ thuật đạt tỉ lệ là 92,85%, cao hơn nhóm sinh viên học tập truyền thống (79,8%). Kết quả chung: tỉ lệ sinh viên đạt loại giỏi 3,96%, khá 80,19%, trung bình 10,39% và kém 5,46%. **Kết luận:** Nhóm sinh viên học tập theo phương pháp tích cực có sự chuẩn bị bài, tính chủ động trong việc tự học, tự rèn luyện kĩ năng và đạt kết quả tốt hơn nhóm sinh viên học tập theo phương pháp truyền thống.

Từ khóa: Quy trình điều dưỡng, học tập tích cực.

ABSTRACT: Objective: Evaluate the ability to actively and the results of basic nursing skills practice of medical students at the skill lab room, Department of Nursing, Hospital 103, Military Medical University. **Material and methods:** Cross-sectional descriptive study that compared. 202 second year medical students practicing at the skill lab room are divided into two groups: study in a positive way and in a traditional way in 2016. **Results:** The students of the first group have better preparation of second group with the rates were 87.76% and 56.73% ($p < 0.05$). The activeness in learning and self-training skills of the first group (81.63%) higher than second group (69.23%). Results good 3.96%, quite kind 80.19%, average 10.39% and poor: 5.46%. The first group students actively engaged in technology performance was 92.85%, higher than the second group 79.8%. **Conclusions:** The group students with study in a positive way has preparation, self-learning and has results better than traditional students group.

Keywords: Nursing process, study in a positive way.

Chịu trách nhiệm nội dung: PGS.TS. Lê Anh Tuấn, Email: leanhtuan103@gmail.com

Ngày nhận bài: 02/7/2018; mời phản biện khoa học: 16/7/2018; chấp nhận đăng: 30/7/2018.

1. ĐẶT VẤN ĐỀ.

Chất lượng giáo dục và đào tạo tại học viện, nhà trường phụ thuộc vào nhiều yếu tố, như người dạy, người học, chương trình đào tạo, cơ sở vật chất, phương pháp dạy và học... Trong các cơ sở đào tạo y khoa, quá trình thực hành rèn luyện kĩ năng đóng vai trò quyết định đến chất lượng đào tạo. Phương pháp học tập tích cực đã được nhiều cơ sở giáo dục đề cập. Song, áp dụng phương pháp này trong thực hành kĩ năng điều dưỡng còn chưa được rộng rãi tại các học viện, nhà trường hiện nay.

Nhằm nâng cao chất lượng giảng dạy, chuẩn bị đào tạo đối tượng đại học điều dưỡng tại Học

viện, chúng tôi thực hiện nghiên cứu này với mục tiêu đánh giá hiệu quả phương pháp huấn luyện chủ động, tích cực và phương pháp giảng dạy, học tập truyền thống, thụ động thông qua kết quả thực hành kĩ năng điều dưỡng cơ bản của sinh viên y năm thứ hai tại phòng rèn luyện kĩ năng y khoa, Bộ môn Điều dưỡng, Học viện Quân y.

2. ĐỐI TƯỢNG, PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU.

2.1. Đối tượng nghiên cứu:

Phương pháp và kết quả học tập của 202 sinh viên y năm thứ hai, thực tập môn điều dưỡng cơ bản tại phòng rèn luyện kĩ năng y khoa, Bộ môn Điều dưỡng, Học viện Quân y, năm 2016.

2.2. Phương pháp nghiên cứu:

- Thiết kế nghiên cứu: mô tả cắt ngang, có so sánh.

- Chia sinh viên làm hai nhóm:

+ Nhóm 1 (học tập theo phương pháp tích cực): sinh viên có sự chuẩn bị tại kí túc xá trước khi thực hành kĩ thuật và được giáo viên hướng dẫn tự thực hành, rèn luyện kĩ năng tại kí túc xá. Trong thực tập, thực hiện theo bảng kiểm kĩ thuật và quy trình tự học 5 bước (bước 1: đọc to thao tác sẽ làm; bước 2: thực hiện thao tác, kết hợp với đọc to các tiêu chuẩn cần đạt; bước 3: tự đánh giá thao tác mình vừa thực hiện; bước 4: các thành viên trong nhóm cho nhận xét; bước 5: thảo luận trong nhóm để rút kinh nghiệm, chỉ rõ những điểm cần lưu ý). Thay đổi, luân phiên các vị trí trong thời gian học, bảo đảm mọi thành viên đều được thực hành, tự đánh giá và đánh giá lẫn nhau. Sau thực tập, giáo viên hướng dẫn đề sinh viên có thể nghiên cứu chế tạo mô hình học tập từ những nguyên liệu sẵn có; hướng dẫn thực hành tại kí túc xá và các địa điểm khác.

+ Nhóm 2 (học tập theo phương pháp truyền thống): sinh viên thực hành kĩ thuật trong thực tập tại phòng rèn luyện kĩ năng (theo bảng kiểm kĩ thuật và quy trình tự học 5 bước). Sau khi thực tập, sinh viên tự ôn tập tại kí túc xá.

- Giảng viên hướng dẫn thực hành và kiểm tra trên mô hình mô phỏng sau mỗi buổi học. Kiểm tra, đánh giá kết quả học tập của sinh viên vào cuối kỳ thực tập tại phòng rèn luyện kĩ năng y khoa trên mô hình mô phỏng, dựa vào các bảng kiểm kĩ thuật.

- Xử lý số liệu: số liệu xử lý thống kê đầy đủ bằng chương trình Excel và SPSS (version 16.0).

3. KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU.

3.1. Kết quả thực hành kĩ năng điều dưỡng cơ bản của sinh viên:

- Công tác chuẩn bị của sinh viên trước khi thực tập (n = 202):

+ Tốt: 145 sinh viên (71,78%).

+ Chưa tốt: 42 sinh viên (20,79%).

+ Không chuẩn bị: 15 sinh viên (7,43%).

Tỉ lệ sinh viên chuẩn bị tốt khá cao (71,78%).

- Sự tuân thủ của sinh viên theo quy trình và bảng kiểm khi thực hiện kĩ thuật (n = 202):

+ Tốt: 143 sinh viên (70,79%).

+ Chưa tốt: 59 sinh viên (29,21%).

Tỉ lệ sinh viên tuân thủ tốt trong quá trình học thực hành rèn luyện kĩ năng đạt 70,79% và không có sinh viên nào không tuân thủ.

- Kết quả thực hiện kĩ thuật của sinh viên cuối thời gian thực tập (n = 202):

+ Giỏi: 8 sinh viên (3,96%).

+ Khá: 162 sinh viên (80,19%).

+ Trung bình: 21 sinh viên (10,39%).

+ Kém: 11 sinh viên (5,46%).

3,96% sinh viên thực hiện kĩ thuật đạt loại giỏi và 5,46% sinh viên xếp loại kém.

3.2. Đánh giá khả năng chủ động, tích cực trong thực hành kĩ năng điều dưỡng cơ bản:

- Công tác chuẩn bị trước khi thực tập:

Bảng 3.1. Đánh giá kết quả công tác chuẩn bị.

Kết quả	Nhóm 1		Nhóm 2		p
	Số lượng	Tỉ lệ %	Số lượng	Tỉ lệ %	
Tốt	86	87,76	59	56,73	0,003
Chưa tốt	8	8,16	34	32,69	0,001
Không chuẩn bị	4	4,08	11	10,58	0,018
Tổng số	98	100	104	100	

Công tác chuẩn bị của sinh viên nhóm 1 và nhóm 2 khác nhau có ý nghĩa thống kê, $p < 0,05$.

- Sự tuân thủ của hai nhóm sinh viên khi thực hiện kĩ thuật:

Bảng 3.2. Đánh giá kết quả tuân thủ của sinh viên khi thực hiện kĩ thuật.

Kết quả	Nhóm 1		Nhóm 2		p
	Số lượng	Tỉ lệ %	Số lượng	Tỉ lệ %	
Tốt	73	74,49	70	67,30	0,046
Chưa tốt	25	25,51	34	32,70	0,021
Không tuân thủ	0	0	0	0	
Tổng số	98	100	104	100	

Tỉ lệ tuân thủ của sinh viên nhóm 1 (74,49%) cao hơn nhóm 2 (67,30%), sự khác biệt có ý nghĩa thống kê với $p < 0,05$.

- Về tính chủ động trong việc tự học, tự rèn luyện kĩ năng của hai nhóm sinh viên:

Bảng 3.3. Đánh giá mức độ chủ động trong việc tự học, tự rèn luyện kĩ năng.

Mức độ	Nhóm 1		Nhóm 2		p
	Số lượng	Tỉ lệ %	Số lượng	Tỉ lệ %	
Chủ động	80	81,63	72	69,23	0,032
Chưa chủ động	18	18,37	32	30,77	0,028
Tổng số	98	100	104	100	

Tính chủ động trong tự học, tự rèn luyện kỹ năng của sinh viên nhóm 1 (81,63%) cao hơn nhóm 2 (69,23%), khác biệt có ý nghĩa thống kê với $p < 0,05$.

- Về tính tích cực trong góp ý, thảo luận của hai nhóm sinh viên trong khi thực hành kỹ thuật:

Bảng 3.4. Đánh giá mức độ tích cực góp ý kiến, thảo luận.

Mức độ	Nhóm 1		Nhóm 2		p
	Số lượng	Tỉ lệ %	Số lượng	Tỉ lệ %	
Tốt	20	20,42	9	8,65	0,024
Khá	54	55,10	35	33,65	0,013
Trung bình	16	16,32	38	36,54	0,002
Kém	8	8,16	22	21,16	0,001
Tổng số	98	100	104	100	

Tỉ lệ sinh viên tích cực góp ý kiến, thảo luận sau mỗi lần thực hiện kỹ thuật của sinh viên nhóm 1 cao hơn nhóm 2, khác biệt có ý nghĩa thống kê với $p < 0,05$.

- Kết quả thực hiện kỹ thuật của hai nhóm:

Bảng 3.5. Đánh giá kết quả thực hiện kỹ thuật.

Mức độ	Nhóm 1		Nhóm 2		p
	Số lượng	Tỉ lệ %	Số lượng	Tỉ lệ %	
Giỏi	6	6,12	2	1,92	0,041
Khá	87	88,78	75	72,13	0,016
Trung bình	4	4,08	17	16,34	0,001
Kém	1	1,02	10	9,61	0,001
Tổng số	98	100	104	100	

Sinh viên nhóm 1 thực hiện kỹ thuật đạt loại khá và giỏi với tỉ lệ lần lượt là 88,78%, và 6,12%, cao hơn sinh viên nhóm 2 (72,13% và 1,92%). Tỉ lệ sinh viên nhóm 2 thực hiện kỹ thuật kém còn ở mức cao (9,61%), khác biệt có ý nghĩa thống kê với $p < 0,05$.

4. BÀN LUẬN.

4.1. Về kết quả thực hành kỹ năng điều dưỡng cơ bản:

Thực hành tại phòng rèn luyện kỹ năng là học phần rất quan trọng trong chương trình đào tạo của sinh viên, có ý nghĩa thiết thực, giúp sinh viên hình thành kiến thức, kỹ năng, thái độ và những phẩm chất đạo đức điều dưỡng tương lai.

Theo Nguyễn Thị Thu Dung (2012), có trên 80% ý kiến của các giảng viên hướng dẫn thực hành đánh giá cao về công tác đào tạo hiện nay của các cơ sở đào tạo là bảo đảm kiến thức chuyên môn, kỹ năng thực hành và đặc biệt là có thái độ nghề

nh nghiệp và thích ứng [2]. Tuy nhiên, vấn đề đào tạo thái độ nghề nghiệp, tính tích cực chủ động là vấn đề khó, đòi hỏi nhà trường và các cơ sở thực tập phải có nhiều hình thức phù hợp, đa dạng hơn nữa để đáp ứng công tác đào tạo hiện nay. Qua khảo sát, vẫn còn 19,5% ý kiến cho rằng việc đào tạo thái độ nghề nghiệp và hội nhập với môi trường thực tập hiện nay chưa phù hợp [2].

Trong công tác chuẩn bị trước khi thực tập của sinh viên y năm thứ hai, Học viện Quân y, tỉ lệ sinh viên chuẩn bị tốt là khá cao (71,78%). Trong khi đó, vẫn còn tới 20,79% sinh viên chuẩn bị chưa tốt và 7,43% sinh viên không chuẩn bị. Sự tuân thủ của sinh viên trong quá trình học thực hành rèn luyện kỹ năng đạt tỉ lệ khá cao 70,79% và không có sinh viên nào không tuân thủ. Điều này cho thấy, mức độ tuân thủ, ý thức nền nếp kỷ luật của nhóm sinh viên được nghiên cứu thuộc Học viện Quân y trong khi thực hiện kỹ thuật là rất tốt.

Tỉ lệ thực hiện kỹ thuật đạt loại giỏi là 3,96%, loại khá là 80,19%, loại trung bình là 10,39% và tỉ lệ sinh viên xếp loại kém còn cao (5,46%). Nguyên nhân của việc thực hiện không đạt yêu cầu này là do sinh viên thiếu tính tự giác và thói quen bỏ bớt một số động tác so với bảng kiểm kỹ thuật.

4.2. Về khả năng chủ động, tích cực thực hành kỹ năng điều dưỡng cơ bản:

Theo nghiên cứu của Nguyễn Thị Chinh và Lưu Tuyết Minh (2012) trên nhóm sinh viên điều dưỡng, Đại học Y Hà Nội, thấy 59,10% sinh viên có động lực thúc đẩy quá trình học tập [1]. Trong giai đoạn hiện nay, đổi mới phương pháp giảng dạy là một trong những yêu cầu cấp thiết đối với ngành giáo dục nhằm nâng cao chất lượng giáo dục và đào tạo. Bộ môn điều dưỡng, Học viện Quân y đã từng bước đổi mới phương pháp giảng dạy, với định hướng lấy người học làm trung tâm, kích thích tính chủ động, tích cực của sinh viên.

Kết quả nghiên cứu cho thấy, trước khi thực hành, nhóm sinh viên học tập tích cực có sự chuẩn bị bài tốt hơn nhóm sinh viên học tập truyền thống với tỉ lệ lần lượt là 87,76% và 56,73% ($p < 0,05$). Trong quá trình thực hiện kỹ thuật, tỉ lệ sinh viên nhóm tích cực có sự tuân thủ quy trình thực hành, rèn luyện kỹ năng là 74,49% cao hơn nhóm sinh viên truyền thống với tỉ lệ 67,30% ($p < 0,05$).

Kết quả ở bảng 3.6 cho thấy tính chủ động trong việc tự học, tự rèn luyện kỹ năng của nhóm học tập tích cực (81,63%) cao hơn nhóm học tập truyền thống (69,23%), sự khác biệt có ý nghĩa thống kê với $p < 0,05$. Tỉ lệ tự đánh giá của sinh viên sau mỗi

lần thực hiện kỹ thuật ở nhóm 1 (88,77%) cao hơn nhóm 2 (87,50%), song khác biệt không có ý nghĩa thống kê với $p > 0,05$.

Tỉ lệ thực hiện tốt, tích cực góp ý kiến, thảo luận sau mỗi lần thực hiện kỹ thuật của nhóm học tập tích cực (20,42%) cao hơn nhóm sinh viên học tập truyền thống (8,65%), sự khác biệt có ý nghĩa thống kê với $p < 0,05$. Từ việc góp ý kiến, thảo luận đó, các thành viên rút kinh nghiệm và hoàn thiện kỹ năng của mình sau mỗi lần thực hiện kỹ thuật. Kết quả trên cũng phù hợp với nghiên cứu của Nguyễn Thị Chinh và Lưu Tuyết Minh (2012) thực hiện trên 343 sinh viên điều dưỡng trường Đại học Y Hà Nội, có 52,60% sinh viên nhận thấy các thành viên trong lớp hòa hợp giúp đỡ lẫn nhau thì việc học tập, thực hành đạt kết quả tốt hơn [1].

Đổi mới phương pháp dạy học theo hướng tích cực hóa hoạt động học tập của học viên, sinh viên không có nghĩa là gạt bỏ, loại trừ, thay thế hoàn toàn các phương pháp dạy học truyền thống, mà cần kế thừa, phát triển những mặt tích cực của phương pháp dạy học hiện có. Đồng thời, phải học hỏi, vận dụng một số phương pháp dạy học mới một cách linh hoạt, nhằm phát huy tính tích cực, chủ động, sáng tạo của học viên, sinh viên trong học tập, phù hợp với hoàn cảnh điều kiện dạy và học cụ thể [3].

5. KẾT LUẬN.

Nhóm sinh viên học tập theo phương pháp tích cực có sự chuẩn bị bài tốt hơn nhóm học tập theo phương pháp truyền thống (tỉ lệ lần lượt là 87,76% và 56,73%), với $p < 0,05$; có tính chủ động trong tự học, tự rèn luyện kỹ năng cao hơn nhóm học tập theo phương pháp truyền thống (81,63% và 69,23%); có tỉ lệ đạt khá và giỏi trong thực hiện kỹ thuật (88,78% và 6,12%) cao hơn nhóm học tập theo phương pháp truyền thống (72,13% và 1,92%). Kết quả chung: tỉ lệ sinh viên đạt loại giỏi là 3,96%, khá là 80,19%, trung bình là 10,39% và kém là 5,46%.

TÀI LIỆU THAM KHẢO:

1. Nguyễn Thị Chinh, Lưu Tuyết Minh (2015), "Động lực học tập của sinh viên điều dưỡng Đại học Y Hà Nội và các yếu tố ảnh hưởng", *Tạp chí Điều dưỡng Việt Nam*, số 9, tr. 48-53.
2. Nguyễn Thị Thu Dung, Trần Thanh Liêm và cộng sự (2014), "Thực trạng quản lý chất lượng thực tập lâm sàng của học sinh ngành điều dưỡng tại Bệnh viện Đà Nẵng", *Tạp chí Điều dưỡng Việt Nam*, số 4, tr. 32-37.
3. Trường Đại học Điều dưỡng Nam Định (2011), *Một số phương pháp dạy học tích cực*, Tài liệu lưu hành nội bộ, 1-16. □

NGHIÊN CỨU ĐIỀU KIỆN DẪN XUẤT VÀ PHÂN TÍCH MỘT SỐ SẢN PHẨM CHUYỂN HÓA...

(Tiếp theo trang 41)

Xét trên cùng 1 điều kiện nhiệt độ dẫn xuất: kết quả trong các bảng 3,4,5 cho thấy ở 70°C và 80°C, tất cả các chất đều cho tỉ lệ dẫn xuất cao hơn ở 60 phút. Ở 60°C, 6 chất dẫn xuất tốt hơn ở 60 phút; 2 chất còn lại cho kết quả tỉ lệ cao hơn ở 40 phút là 073-3OH và 018-6OH. Hơn nữa, tất cả các chất đều có tỉ lệ dẫn xuất cao nhất ở thời gian 60 phút, trong đó 4 chất dẫn xuất cao nhất ở 70°C và 4 chất ở 80°C. Như vậy, với cùng điều kiện nhiệt độ dẫn xuất thì thời gian lựa chọn dẫn xuất sẽ là 60 phút. Ở thời gian này, các chất được dẫn xuất cao hơn. Mặt khác, kết quả ở bảng 5 cho thấy ở nhiệt độ 80°C, tỉ lệ chất dẫn xuất ổn định trong các khoảng thời gian nghiên cứu hơn so với ở 60°C (bảng 3) và 70°C (bảng 4).

Xét trên cùng một khoảng thời gian dẫn xuất: có thể thấy nhiệt độ 80°C thường cho kết quả dẫn xuất cao hơn các nhiệt độ khác. Cụ thể là khi dẫn xuất trong 40 phút, tất cả các chất đều cho tỉ lệ dẫn xuất cao nhất ở 80°C; dẫn xuất trong khoảng thời gian 20 phút và 120 phút chỉ có 1 chất cho tỉ lệ dẫn xuất ở 60°C hoặc 70°C cao hơn ở 80°C.

Từ kết quả trên, cho thấy các chất dẫn xuất tốt và ổn định hơn ở nhiệt độ 80°C trong các khoảng thời gian nghiên cứu.

4. KẾT LUẬN.

Nghiên cứu đã đưa ra các mảnh phổ m/z đặc trưng của 8 chất chuyển hóa từ JWH-018 và JWH-073; đưa ra điều kiện sắc ký khí có thể tách hoàn toàn 8 chất chuyển hóa và đặc hiệu trên nền mẫu máu, nước tiểu người. Độ ổn định của thiết bị khảo sát có RSD < 2% đối với cả thông số thời gian lưu và diện tích pic, do đó bảo đảm kết quả phân tích độ chính xác cao.

Nghiên cứu đã khảo sát các điều kiện dẫn xuất ở nhiệt độ và thời gian khác nhau. Kết quả cho thấy, ở 60 phút, các chất được dẫn xuất nhiều nhất. Trong những nhiệt độ đã tiến hành nghiên cứu, dẫn xuất ở 80°C cho kết quả dẫn xuất cao hơn các nhiệt độ khác.

TÀI LIỆU THAM KHẢO:

1. Phạm Hùng Việt (2005), *Sắc ký khí: cơ sở lý thuyết và khả năng ứng dụng*, Đại học Quốc gia Hà Nội.
2. Grigoryev A, Saychuk S, Melnik A et al (2011), "Chromatography-mass spectrometry studies on the metabolism of synthetic cannabinoids JWH-018 and JWH-073, psychoactive components of smoking mixtures", *J Chromatogr B Analyt Technol Biomed Life Sci*, 879:1126-1136.
3. Sobolevsky T, Prasolov I et al (2010), "Detection of JWH-018 metabolites in smoking mixture post-administration urine", *Forensic Sci Int*, 200:141-147. □